

THÔNG TƯ

Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động thẩm định giá, chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định một số nội dung về quản lý hoạt động thẩm định giá, chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số nội dung về quản lý hoạt động thẩm định giá gồm: đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá; trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp, chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá

1. Mục tiêu của đánh giá hoạt động

Việc đánh giá hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá là nhằm nhận diện tổng quan về thực trạng của doanh nghiệp thẩm định giá trong hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá, qua đó giúp cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân nhận biết mức độ đáp ứng gắn với từng nội dung đánh giá, chỉ số cụ thể; Đồng

thời góp phần thúc đẩy nâng cao chất lượng trong cung cấp dịch vụ thẩm định giá của từng doanh nghiệp thẩm định giá.

2. Nội dung đánh giá

- a) Duy trì điều kiện hoạt động thẩm định giá;
- b) Chấp hành quy định của pháp luật về thẩm định giá;
- c) Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động xây dựng và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, tổ chức;
- d) Tham gia phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế;
- đ) Tham gia phối hợp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá của Bộ, ngành, địa phương;
- e) Tham gia phối hợp hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thẩm định giá.

3. Kỳ đánh giá từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm liền trước năm đánh giá.

Hàng năm, Bộ Tài chính tổ chức đánh giá hoạt động đối với các doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá và đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Doanh nghiệp thẩm định giá có trách nhiệm nộp Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này để làm cơ sở cho việc đánh giá hoạt động thẩm định giá.

4. Phương thức đánh giá được thực hiện trên cơ sở tổng hợp, thống kê từ các nguồn thông tin sau:

- a) Thông tin, số liệu tại Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;
- b) Thông tin, số liệu có được trong quá trình quản lý nhà nước về thẩm định giá đối với doanh nghiệp thẩm định giá, thẩm định viên về giá;
- c) Thông tin phản ánh từ Bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân (nếu có).

5. Nội dung đánh giá theo từng mức độ hoạt động thông qua điểm số chi tiết cho từng chỉ tiêu thành phần (chi tiết tại Phụ lục số 01 của Thông tư này). Kết quả đánh giá được công khai trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Kết quả đánh giá không phản ánh chất lượng của các Chứng thư thẩm định giá, Báo cáo thẩm định giá cụ thể của thẩm định viên về giá, doanh nghiệp thẩm định giá.

Điều 4. Trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp thẩm định giá

1. Doanh nghiệp thẩm định giá không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thẩm định giá thì phải trích lập dự phòng rủi ro nghề nghiệp với mức trích hằng năm là 1% trên doanh thu dịch vụ thẩm định giá (doanh thu không có thuế giá trị gia tăng), **được trích vào cuối năm tài chính** và được hạch toán như trường hợp trích lập dự phòng phải trả.

2. Trường hợp dự phòng rủi ro nghề nghiệp của doanh nghiệp có số dư cuối năm tài chính vượt mức 10% doanh thu dịch vụ thẩm định giá tính trung bình trong 03 năm gần nhất, doanh nghiệp thực hiện hoàn nhập đối với phần vượt mức và hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế nội bộ quản lý và sử dụng dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

4. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động thẩm định giá thì số dư quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp đã trích lập nhưng chưa sử dụng hết được hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

Điều 5. Chế độ báo cáo về hoạt động thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá

1. Báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ sau ngày 31/12 của năm, doanh nghiệp thẩm định giá báo cáo theo mẫu Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu báo cáo từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 31/3 của năm liền sau năm báo cáo.

b) Định kỳ sau ngày 15/12 của năm, doanh nghiệp thẩm định báo cáo theo mẫu Báo cáo rà soát danh sách thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp quy định tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này. Thời gian chốt số liệu của báo cáo là ngày 15/12 của năm báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20/12 của năm báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ quy định tại Khoản 1 Điều này được gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi trực tiếp tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Gửi qua fax hoặc thư điện tử theo địa chỉ baocaotdg@mof.gov.vn (bản scan).

3. Báo cáo đột xuất: Doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện báo cáo đột xuất đối với các nội dung liên quan đến việc chấp hành pháp luật về thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá).

4. Doanh nghiệp thẩm định giá chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

Điều 6. Chi phí phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá

1. Nội dung chi và mức chi phục vụ cho hoạt động thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật Giá gồm:

a) Chi công tác phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

b) Chi khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần thẩm định giá thực hiện theo quy định tại điểm c Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

c) Chi báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn phục vụ công tác thẩm định giá tài sản của Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (sau đây gọi tắt là Thông tư số 338/2016/TT-BTC), mức chi 800.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

d) Chi họp Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

đ) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu phục vụ công tác thẩm định giá tài sản thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về chi thường xuyên.

e) Chi thuê tổ chức giám định thực hiện việc giám định tình trạng kinh tế - kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng của tài sản, thuê thẩm định giá tài sản (nếu có) theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng;

g) Đối với những khoản chi liên quan đến hoạt động thẩm định giá không quy định tại điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều này, Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định giá lập dự toán ngân sách phục vụ hoạt động thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong năm phát

sinh các nhiệm vụ đột xuất, được lập bổ sung dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

3. Việc chi các khoản chi phục vụ cho việc thẩm định giá của hội đồng thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

2. Các quy định sau hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 23/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

b) Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá, Thông tư số 25/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá;

c) Thông tư số 60/2021/TT-BTC ngày 21/7/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

d) Điều 2 của Thông tư số 76/2020/TT-BTC ngày 14/8/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Bộ Công Thương, Bộ tài chính quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá; Thông tư số 138/2007/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thủy điện Sơn La hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn việc thực hiện các quy định Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn giải quyết và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng dân tộc và các ủy ban của Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Hội Thẩm định giá Việt Nam;
- Các doanh nghiệp thẩm định giá;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLG

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Tấn Cận

Phụ lục số 01: Các chỉ số đánh giá hoạt động doanh nghiệp thẩm định giá

Chỉ số	Điểm số
I. Duy trì điều kiện hoạt động thẩm định giá	Tối đa 25 điểm
<i>1.1. Bảo đảm và duy trì điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- Trường hợp có thời gian không bảo đảm duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá từ 3 tháng liên tục trở lên	0 điểm
- Trường hợp có thời gian không bảo đảm duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá dưới 3 tháng liên tục	2 điểm
- Trường hợp luôn bảo đảm và duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá	5 điểm
<i>1.2. Số lượng thẩm định viên về giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- Số lượng thẩm định viên về giá tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 5 đến dưới 7 thẩm định viên về giá	2 điểm
- Số lượng thẩm định viên về giá tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 7 đến 10 thẩm định viên về giá	3 điểm
- Số lượng thẩm định viên về giá hành nghề tính trung bình trong thời kỳ đánh giá từ 11 đến 15 thẩm định viên về giá	4 điểm
- Số lượng thẩm định viên về giá hành nghề tính trung bình trong thời kỳ đánh giá trên 15 thẩm định viên về giá	5 điểm
<i>1.3. Số lượng chứng thư thẩm định giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- Phát hành dưới 500 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	2 điểm
- Phát hành từ 500 đến dưới 1000 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	3 điểm
- Phát hành từ 1000 chứng thư thẩm định giá đến dưới 5000 chứng thư thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	4 điểm
- Phát hành từ 5000 chứng thư thẩm định giá trở lên trong thời kỳ đánh giá	5 điểm
<i>1.4. Doanh thu cung cấp dịch vụ thẩm định giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- Dưới 5 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	2 điểm
- Từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	3 điểm
- Từ 10 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	4 điểm
- Trên 15 tỷ đồng trong thời kỳ đánh giá	5 điểm
<i>1.5. Số lượng chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- Duy trì 01 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	2 điểm
- Duy trì từ 2 đến 3 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	3 điểm

Chỉ số	Điểm số
- Duy trì từ 4 đến 5 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trong thời kỳ đánh giá	4 điểm
- Duy trì từ 6 chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá trở lên trong thời kỳ đánh giá	5 điểm
<i>1.6. Cung cấp dịch vụ thẩm định giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- 01 lĩnh vực (thẩm định giá tài sản)	3 điểm
- Cả 02 lĩnh vực (thẩm định giá tài sản và thẩm định giá doanh nghiệp)	5 điểm
II. Chấp hành quy định của pháp luật	Tối đa 30 điểm
<i>2.1. Chấp hành quy định về báo cáo thường xuyên, đột xuất trong thời kỳ đánh giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
- Báo cáo thường xuyên đúng hạn	4 điểm
- Báo cáo đột xuất đầy đủ	1 điểm
<i>2.2. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thẩm định giá</i>	<i>Tối đa 20 điểm</i>
- Nếu vi phạm hành chính về thẩm định giá (trừ các trường hợp: vi phạm quy định tại điểm 2.1; đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá; có thẩm định viên bị tước thẻ thẩm định viên về giá): trừ 10 điểm nếu vi phạm 1 lần, vi phạm 2 lần trở lên trừ hết số điểm tại mục 2.2	
- Nếu bị xử lý vi phạm hành chính kèm theo hình thức đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá bị trừ 15 điểm	
- Nếu bị xử lý vi phạm hành chính kèm theo hình thức tước thẻ thẩm định viên về giá đối với 01 thẩm định viên về giá bị trừ 15 điểm, từ 02 thẩm định viên trở lên trừ hết số điểm tại mục 2.2	
<i>2.3. Không có đơn khiếu nại, tố cáo của tổ chức/cá nhân đối với Chứng thư thẩm định giá do doanh nghiệp thẩm định giá phát hành gửi về Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá); không có phản ánh/kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lỗi của thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp thẩm định giá.</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
Nếu có đơn khiếu nại, tố cáo hoặc có phản ánh/kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến lỗi của thẩm định viên về giá hoặc doanh nghiệp thẩm định giá thì mỗi vụ việc bị trừ 2 điểm, tối đa trừ hết số điểm tại mục 2.3.	
III. Tham gia các hoạt động xây dựng và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo, tổ chức	Tối đa 20 điểm
<i>2.1. Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) chủ trì soạn thảo trong thời kỳ đánh giá</i>	<i>Tối đa 10 điểm</i>
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính có lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá	
- Có tham gia nhưng dưới 30% số lượng văn bản	2 điểm
- Tham gia từ 30% đến dưới 50% số lượng văn bản	4 điểm

Chỉ số	Điểm số
- Tham gia từ 50% đến dưới 80% số lượng văn bản	8 điểm
- Tham gia trên 80% số lượng văn bản	10 điểm
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không lấy ý kiến tham gia của các doanh nghiệp thẩm định giá	10 điểm
<i>2.2. Có tham dự Hội nghị thường niên giám đốc thẩm định giá</i>	<i>5 điểm</i>
<i>2.3. Tham dự các hội nghị tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về giá, thẩm định giá do Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) tổ chức trong thời kỳ đánh giá</i>	<i>Tối đa 5 điểm</i>
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính có tổ chức hội nghị	
- Có tham gia nhưng dưới 30% số lượng hội nghị	2 điểm
- Tham gia từ 30% đến dưới 50% số lượng hội nghị	3 điểm
- Tham gia từ 50% đến dưới 80% số lượng hội nghị	4 điểm
- Tham gia trên 80% số lượng hội nghị	5 điểm
Trường hợp trong thời kỳ đánh giá, Bộ Tài chính không tổ chức hội nghị	5 điểm
IV. Tham gia phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế	Tối đa 5 điểm
- Có thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp tham dự Hội nghị do Hiệp hội các nhà thẩm định viên về giá ASEAN (AVA) tổ chức có đoàn của Bộ Tài chính tham dự	2 điểm/mỗi thẩm định viên tham gia, tối đa 4 điểm
- Có thẩm định viên về giá tại doanh nghiệp tham dự Hội nghị do Hội đồng tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế (IVSC) tổ chức có đoàn của Bộ Tài chính tham dự	1 điểm
V. Tham gia tư vấn hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá	Tối đa 10 điểm
Có tham gia tư vấn hỗ trợ hoạt động định giá của Nhà nước, thẩm định giá của Nhà nước, định giá trong tổ tụng hình sự	Mỗi cuộc tư vấn được cộng 2 điểm, tối đa 10 điểm
VI. Tham gia hoạt động nghiên cứu	Tối đa 5 điểm
Thẩm định viên về giá là đại diện pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá có bài báo, nghiên cứu đã được đăng tải trên Tạp chí tài chính của Bộ Tài chính, tạp chí khoa học quốc tế	2,5 điểm/bài
Tổng cộng	100 điểm

**Phụ lục số 02: Báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động
thẩm định giá năm**

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số:/TĐG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO

**Tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động
thẩm định giá năm.....**

Kính gửi: Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá)

Công ty báo cáo tình hình doanh nghiệp và một số chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá năm như sau:

1. Tình hình chung về doanh nghiệp

- Tên của doanh nghiệp thẩm định giá;
 - Loại hình doanh nghiệp:
 - Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ giao dịch:
 - Email và số điện thoại liên hệ (nếu có):
 - Mã số doanh nghiệp thẩm định giá theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá do Bộ Tài chính cấp:/TĐG, cấp lần đầu đầu ngày, cấp lại lần thứ ngày
 - Thông tin về đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thẩm định giá, gồm: họ và tên, năm sinh, giới tính, số thẻ thẩm định viên về giá;
 - Tên gọi, người đứng đầu và địa chỉ của các chi nhánh doanh nghiệp thẩm định giá;
 - Chi tiết mức vốn góp của các thành viên là tổ chức (nếu có) đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần trong năm và người đại diện phần vốn góp của tổ chức; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo;
 - Chi tiết mức vốn góp tại thời điểm báo cáo của các thẩm định viên về giá tại công ty; bao gồm tất cả các thời điểm có điều chỉnh liên quan đến vốn góp trong kỳ báo cáo.
 - Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp: có/không
 - Trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp: có/không
- 2. Hoạt động thẩm định giá trong kỳ báo cáo**

2.1. Chỉ tiêu hoạt động thẩm định giá theo loại hình dịch vụ:

CHỈ TIÊU	Số lượng chứng thư thẩm định giá phát hành		Tổng giá trị tài sản thẩm định giá (theo chứng thư)		Doanh thu thuần (doanh thu thực nhận theo hợp đồng, Đvt: triệu đồng)	
	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước
Tổng số						
Trong đó:						
(1) Sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước						
1.1. Bất động sản						
1.2. Động sản						
1.3. Giá trị doanh nghiệp						
1.4. Khác						
(2) Sử dụng nguồn vốn khác						
1.1. Bất động sản						
1.2. Động sản						
1.3. Giá trị doanh nghiệp						
1.4. Khác						

2.2. Kết quả hoạt động thẩm định giá

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Trong kỳ báo cáo	Cùng kỳ năm trước (hạch toán chính xác)
1. Tổng doanh thu hoạt động thẩm định giá		
2. Tổng chi phí hoạt động thẩm định giá		
3. Lợi nhuận ròng của hoạt động thẩm định giá		

2.3. Tư vấn hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá

- Số lượng cuộc tư vấn (nếu có) kèm theo tài liệu chứng minh

2.4. Hoạt động nghiên cứu

- Số lượng bài báo, nghiên cứu khoa học đã được đăng tải trên Tạp chí tài chính của Bộ Tài chính, tạp chí khoa học quốc tế (nếu có) kèm theo tài liệu chứng minh

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế (nếu có)

4. Phương hướng nhiệm vụ; đề xuất, kiến nghị (nếu có)

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung báo cáo trên đây.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP

(Chức vụ, chữ ký, họ tên của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu)

....								
------	--	--	--	--	--	--	--	--

*** Hồ sơ kèm theo gồm có:**

- Bản sao giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo lĩnh vực chuyên môn còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký hành nghề hoặc tài liệu chứng minh đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá theo quy định, trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm ngày 01/01 của năm liền kề năm báo cáo;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản kê khai tỷ lệ vốn góp đối với thẩm định viên về giá là cổ đông đối với doanh nghiệp thẩm định giá là công ty cổ phần;

*** Doanh nghiệp cam kết**

.....^{iv}..... xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của những nội dung kê khai trên đây và các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo Danh sách này.

2.^{iv}..... cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thẩm định giá.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(ký tên, đóng dấu)

ⁱ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần theo quy định tại Điều 49 Luật Giá năm 2023..

ⁱⁱ Thẩm định viên là chủ sở hữu, thành viên góp vốn, thành viên hợp danh, chủ doanh nghiệp hay cổ đông sáng lập, người đại diện của thành viên là tổ chức tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 49 Luật Giá năm 2023.

ⁱⁱⁱ Ghi rõ số Giấy chứng nhận, thời gian khóa học và đơn vị tổ chức

^{iv} Tên doanh nghiệp thẩm định giá